

BÁO CÁO
Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025
và phương hướng nhiệm vụ năm 2026

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm (THTK), chống lãng phí (CLP) năm 2025 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND thành phố về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các ngành triển khai sâu rộng trong cán bộ công chức của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, tạo sự chuyển biến rõ rệt chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, chuyển giá; kiểm soát chặt chẽ và thực hiện điều hành chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được giao; thực hiện nghiêm kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm của địa phương; triệt để tiết kiệm chi ngân sách theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, chủ động trong lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm; quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau; thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch và triệt để tiết kiệm, chống lãng phí từ khâu xác định nhiệm vụ; quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau.

Tăng cường quản lý, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng, phấn đấu giải ngân đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn năm 2025 được giao. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công theo đúng quy định Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Chống lãng phí trong mua sắm tài sản công thông qua chế độ, tiêu chuẩn, định mức và việc triển khai đồng bộ, có hiệu quả các phương thức mua sắm tập trung, mua sắm thông qua mạng đấu thầu rộng rãi.

Triển khai và hoàn thành công tác sắp xếp tổ chức tinh gọn bộ máy theo đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong mua sắm tài sản công.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu tổ chức sử dụng ngân sách địa phương chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện THPTK, CLP. Từng cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp lĩnh vực phụ trách, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm từng cán bộ, công chức, viên chức; nghiêm túc thực hiện chế độ công khai tài chính, tài sản, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và chấp hành chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.

3. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THPTK, CLP, đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong THPTK, CLP.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THPTK, CLP: Tổ chức thông tin, phổ biến pháp luật về THPTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPTK, CLP; qua đó, đã tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, có những hành động và việc làm cụ thể tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, năng suất, THPTK, CLP. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin; tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt chú trọng nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo THPTK, CLP.

II. Tình hình kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Đánh giá kết quả đạt được theo từng lĩnh vực quy định trong Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1.1. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

Triển khai đồng bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 và các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công và khai thác hợp lý nguồn lực từ tài sản công theo Chỉ thị số 32/CTTTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là đối với các cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất, bảo đảm tài sản công sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Kiên quyết thu hồi các tài sản sử

dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công; xử lý nghiêm các sai phạm.

Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung theo Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung, đơn vị mua sắm tập trung và thời gian tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

1.2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

Thực hiện kiểm soát chặt chẽ công tác phân bổ, điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng các khoản chi, bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được cấp thẩm quyền giao. Các đơn vị thực hiện tự chủ xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế quản lý nội bộ tại cơ quan đơn vị để mọi cán bộ, công chức, tuân thủ thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và có căn cứ giám sát thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ công chức, thực hiện công khai dân chủ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ công chức; quy định rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm người đứng đầu cơ quan tổ chức nếu xảy ra tham nhũng lãng phí theo quy định của pháp luật.

Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác và dành nguồn phòng chống, khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu. Bổ sung kinh phí đối với nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc nguồn NSNN phải đảm bảo khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc đã được phê duyệt chủ trương thực hiện; giao dự toán kinh phí chi ngân sách và có nguồn từ NSNN cho nhiệm vụ phát sinh đảm bảo tiết kiệm, ở mức tối thiểu cần thiết theo nội dung nêu trên.

Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước như: Công khai dự toán, quyết toán kinh phí đơn vị sử dụng ngân sách, nguồn quỹ nhân dân đóng góp, công khai quy hoạch, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản thông qua Hội đồng Nhân dân xã theo đúng quy định. Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính và Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, xã có 06 đơn vị thực hiện tự chủ; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập có 17 đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm sự nghiệp giáo dục có 13 trường trực thuộc UBND xã); Kết quả triển khai thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày

17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ; các đơn vị tiết kiệm từ kinh phí giao khoán, giao tự chủ, tiết kiệm chi kinh phí hoạt động thường xuyên như: điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, công tác phí,... kinh phí tiết kiệm tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức năm 2025 dự kiến là 1.695 triệu đồng.

Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; tăng quyền tự chủ và thúc đẩy xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời từng bước giảm chi hỗ trợ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập của viên chức trong sự nghiệp công lập.

Thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THPT, CLP, tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền cũng như kiểm tra giám sát về THPT, CLP.

1.3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, Luật Ngân sách, Luật Xây dựng, các Nghị định, Thông tư và văn bản có liên quan hướng dẫn về đầu tư xây dựng cơ bản; Triển khai thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 khi được cấp thẩm quyền giao; đẩy nhanh tiến độ; thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, áp dụng rộng rãi đấu thầu qua mạng, bảo đảm khách quan, công khai minh bạch. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Khẩn trương đưa các dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành vào khai thác, sử dụng.

1.4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Thực hiện Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Cần Thơ về triển khai Chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai, UBND xã Phú Lộc đã ban hành Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 09/10/2025 để tổ chức thực hiện Chiến dịch 90 ngày xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương; đồng thời ban hành Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 về thành lập Ban Chỉ đạo và Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về thành lập Tổ công tác, kèm theo phụ lục phân công nhiệm vụ các thành viên phụ trách địa bàn và tổng hợp số liệu.

Củng cố hồ sơ tiến hành cưỡng chế giao đất 01 trường hợp và cưỡng chế buộc trả lại đất 01 trường hợp.

Phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, cung cấp thông tin để lập dự án xây dựng bảng giá đất lần đầu.

Công tác tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân phải đảm bảo đầy đủ thủ tục, hệ thống giải quyết hồ sơ trực tuyến về lĩnh vực đất đai thông suốt để quá trình giải quyết được nhanh chóng đảm bảo đúng thời gian quy định. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chỉ liên quan trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của người dân mà còn là cơ sở quan trọng giúp quản lý đất đai hiệu quả, giảm tình trạng tranh chấp, khiếu kiện kéo dài.

Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; xử lý chất thải rắn, chất thải độc hại và chất thải y tế đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, nâng cao hiệu quả công tác dự báo, chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống, khắc phục thiên tai, khô hạn, xâm nhập mặn; nâng cao nhận thức, tuyên truyền về tăng trưởng xanh.

1.5. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động: Tiếp tục triển khai thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức, trong đó tập trung thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý kế toán, tài sản tại đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Thực hiện Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025. Theo Nghị quyết, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Phú Lộc, thị trấn Hưng Lợi và xã Thạnh Trị thành xã mới có tên gọi là xã Phú Lộc. Sau khi sắp xếp xã Phú Lộc có tổng diện tích tự nhiên 80,15 km² với quy mô dân số là 50.929 người. Tính đến nay, xã Phú Lộc có tổng số 28 ấp.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy: Đối với cơ quan hành chính sau sắp xếp có 03 phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ hành chính công và Ban Chỉ huy Quân sự xã thuộc Ủy ban nhân dân xã. Tổng số biên chế hiện có là 54/54, trong đó: Trưởng phòng và tương đương 5, Phó Trưởng phòng và tương đương 10, Chuyên môn 39. Đối với các đơn vị sự nghiệp: Sự nghiệp Văn hóa – Thể thao : Có 01 đơn vị là Trung tâm Văn hoá - Thể thao thuộc UBND xã Phú Lộc, số biên chế hiện có mặt là 15/19; Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: Sau sắp xếp hiện có là 13/13 đơn vị trường học, số biên chế hiện có 436/482. Sự nghiệp khác: Hiện có 03 đơn vị (Đội Quản lý bến xe Thạnh Trị: 01 viên chức, Cơ sở sản xuất cung ứng cá và lúa giống: 02 viên chức, Ban quản lý Chợ Phú Lộc).

Thực hiện tinh giản biên chế: Thực hiện chế độ, chính sách nghỉ việc theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, sau sắp xếp đã hỗ trợ chính sách nghỉ việc cho 1 biên chế (Công chức Phòng Văn hóa - Xã hội) với tổng số tiền: 1.203.579.000đ; Thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế đợt 5, 6 năm 2025 đã thực hiện chính sách, chế độ đối với 15 trường hợp (11 người hoạt động không chuyên trách

cấp xã và 04 viên chức giáo dục), với số tiền: 4.107.441.160 đồng. Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính. Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị. Thực hiện sắp xếp theo đúng Đề án vị trí việc làm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, phát huy hết năng lực, sở trường, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về thời gian, nguồn lực lao động, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý, có hiệu quả.

Thường xuyên kiểm tra chặt chẽ công chức, viên chức chấp hành nội quy, quy chế làm việc, về đảm bảo thời gian làm việc, cơ quan sắp xếp công việc hợp lý, phân công giao việc phù hợp với trình độ năng lực chuyên môn, xử lý công việc nhanh gọn, đảm bảo thời gian quy định, nâng cao hiệu quả làm việc. Nhìn chung công chức, viên chức thực hiện tốt theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Quan tâm thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, đầu năm Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch rà soát quy định thủ tục hành chính trên địa bàn. Chỉ đạo Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính xã thực hiện tốt công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính hoạt động theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính, nâng cấp các phần mềm quản lý như: phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý hộ tịch, phần mềm đầu tư và tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ, nhằm chuẩn hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn.

(Đính kèm Phụ lục chi tiết)

2. Đánh giá kết quả đạt được

Xác định công tác THTK, CLP là một trong những giải pháp quan trọng nhằm góp phần thực hiện tốt phát triển kinh tế của địa phương, thời gian qua Ủy ban nhân dân xã đã tích cực triển khai thực hiện công tác THTK, CLP đến cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên tuyên truyền phổ biến các Luật, Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Qua đó khắc phục những hạn chế yếu kém, ngăn chặn và đẩy lùi thực trạng lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tạo sự ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của xã.

Các cơ quan, đơn vị xây kế hoạch THTK, CLP phù hợp nhiệm vụ chuyên môn, lĩnh vực phụ trách; trên cơ sở đó thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính mới; đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ

thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu nhập trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026

1. Tăng cường công tác chỉ đạo THPTK, CLP, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; người đứng đầu tổ chức sử dụng ngân sách trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện THPTK, CLP; xác định kết quả THPTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm công chức, viên chức.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực THPTK, CLP, trong đó cần tập trung vào một số lĩnh vực sau:

3.1. Về quản lý, sử dụng tài sản công

Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và nâng cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của tất cả các tài sản công được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

3.2. Về quản lý ngân sách nhà nước

Điều hành dự toán ngân sách nhà nước theo hướng chủ động, chặt chẽ, tiết kiệm, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát chi, quản lý thu ngân sách nhà nước theo hướng thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát và thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước gắn việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị liên quan. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước.

3.3. Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Tiếp tục rà soát các dự án, kế hoạch ngay từ chủ trương đầu tư nhằm đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả. Trong việc thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thẩm định làm rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho từng chương trình, dự án cụ thể; bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện. Tập trung rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện quy hoạch, điều chỉnh các nội dung không phù hợp với tình hình và điều kiện mới để quy hoạch thực sự là cơ sở cho việc xây dựng các chương trình và kế hoạch đầu tư.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác số hoá quy trình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công, lập dự toán, quyết toán, quản lý, giám sát vốn đầu tư công. Công khai minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện dự án đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải

ngân vốn, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

3.4. Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, nâng cao hiệu quả công tác dự báo, chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống, khắc phục thiên tai, khô hạn, xâm nhập mặn, ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai ở địa phương; nâng cao nhận thức, tuyên truyền về tăng trưởng xanh ở các cấp, các ngành; đồng thời, lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các phòng, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

3.5. Về tổ chức bộ máy, quản lý lao động, thời gian lao động

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính và thực thi công vụ của cán bộ công chức. Thường xuyên kiểm soát chất lượng thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, kịp thời chuyển tải thông tin tới người dân và doanh nghiệp về cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và công khai địa chỉ email, số điện thoại của các cơ quan, đơn vị để người dân, doanh nghiệp biết khi cần phản ánh.

Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính; Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị theo đúng tinh thần Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Thực hiện sắp xếp theo đúng đề án vị trí việc làm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, phát huy hết năng lực, sở trường, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về thời gian, nguồn lực lao động, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý, có hiệu quả.

4. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản quy định của pháp luật về THTK, CLP, đồng thời xây dựng kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra về phòng chống tham nhũng, lãng phí và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm từ đó góp phần siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ; tăng cường công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định.

Trên đây là Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 trên địa bàn xã Phú Lộc. / *chữ ký*

Nơi nhận:

- TT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, NC.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Ngàn
Nguyễn Văn Ngàn





Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân xã Phú Lộc)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng			1.695			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị			22			(Trong đó bao gồm 2 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên)
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				1			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc			1			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc	m2			22.670			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2			22.670			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ</i>	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						